

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

Ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐQT
Ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2014

MỤC LỤC

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng	3
Điều 2. Giải thích từ ngữ	3
Chương II: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY	5
Mục 1: QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN	5
Điều 3. Vốn của Công ty	5
Điều 4. Vốn điều lệ của Công ty	5
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Công ty trong việc sử dụng vốn và quỹ do Công ty quản lý	6
Điều 6. Huy động vốn	6
Điều 7. Quản lý các khoản phải trả về huy động vốn	8
Điều 8. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty	8
Mục 2: QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN	9
Điều 9. Tài sản cố định, đầu tư tài sản cố định, khấu hao tài sản cố định	9
Điều 10. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản	10
Điều 11. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn	11
Điều 12. Quản lý đầu tư đối với các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản	11
Điều 13. Quản lý hàng hoá tồn kho	12
Điều 14. Quy chế mua sắm	14
Điều 15. Tín dụng bán hàng	15
Điều 16. Quản lý các khoản nợ phải thu	15
Điều 17. Kiểm kê tài sản	16
Điều 18. Xử lý tổn thất tài sản	16
Điều 19. Đánh giá lại tài sản Công ty	17
Mục 3: QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH	17
Điều 20. Quản lý công nợ phải trả và rủi ro tài chính	17
Mục 4: DOANH THU, CHI PHÍ	18
Điều 22. Doanh thu của Công ty	18
Điều 23. Chi phí, quản lý chi phí của Công ty	19
Mục 5: LỢI NHUẬN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	21
Điều 24. Lợi nhuận của Công ty	21
Điều 25. Phân phối lợi nhuận của Công ty	22
Điều 26. Mục đích sử dụng các quỹ	22
Mục 6: KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	23
Điều 27. Kế hoạch tài chính	23
Điều 28. Báo cáo tài chính	23
Mục 7: QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH	24
Điều 29. Quyền hạn của Hội đồng quản trị	24
Điều 30. Nghĩa vụ và trách nhiệm về tài chính của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị	24
Điều 31. Quyền hạn của Tổng giám đốc Công ty	26
Điều 32. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng giám đốc	26
Mục 8: ỦY QUYỀN VÀ NGUYÊN TẮC ỦY QUYỀN GIỮA CÁC CẤP BẬC TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH	28
Điều 33. Các nguyên tắc cơ bản khi thực hiện ủy quyền	28
Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Người ủy quyền	28
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Người được ủy quyền	29
Điều 36. Các nội dung cơ bản của Văn bản ủy quyền (Giấy ủy quyền)	29
Chương IV: MỐI QUAN HỆ VÀ QUẢN LÝ VỐN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC	29
Điều 37. Đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty cổ phần, Công ty liên doanh và các tổ chức kinh tế khác	29
Điều 38. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc	30
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác	30
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác	31
Điều 41. Kiểm tra giám sát	32
Chương V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	32
Điều 42. Điều khoản thi hành	32

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy chế quy định việc quản lý tài chính đối với Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà.

Quy định chính sách quản lý tài chính áp dụng cho Hội đồng quản trị và tất cả các nhân viên, đại diện vốn của Công ty ở tất cả các công ty con, các công ty liên kết.

Tất cả các cán bộ công nhân viên của Công ty có nghĩa vụ tuân thủ tuyệt đối các quy định và tinh thần của Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Công ty” là Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103010462 ngày 28/12/2005 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp, có tư cách pháp nhân, tự chủ về tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, có các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 25/01/2006;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 19/02/2006;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 31/08/2006;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 15/06/2007;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 31/12/2007;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 23/05/2008;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 04/07/2008;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 28/06/2011;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 26/07/2011;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ngày 05/12/2011;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười một ngày 25/05/2012;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 07/08/2012;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ba ngày 19/07/2013.

2. “Hội đồng quản trị” hoặc “HĐQT” là Hội đồng quản trị của Công ty bao gồm các thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu.
3. “Điều lệ công ty” là bản điều lệ hiện hành của Công ty và tất cả các văn bản sửa đổi hoặc bổ sung tùy vào từng thời điểm.
4. “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “Đại hội đồng” là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.
5. “Pháp luật Việt Nam” nghĩa là luật doanh nghiệp và tất cả các luật, nghị định, quyết định, thông tư, quy định và các văn bản có hiệu lực pháp lý khác do bất kỳ một cơ quan nhà nước nào ban hành và có liên quan đến Công ty.

6. “Tổng tài sản” có nghĩa là tổng tài sản của công ty ghi trong sổ sách kế toán vào từng thời điểm.
7. “Doanh nghiệp khác” là doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật Hợp tác xã của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.
8. “Công ty con”: Là Công ty mà Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà đầu tư góp vốn điều lệ hoặc nắm cổ phần, vốn góp chiếm trên 50% vốn điều lệ, hoặc có quyền biểu quyết đa số tại Đại hội đồng cổ đông, được quyền bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng quản trị đối với Công ty cổ phần. Công ty con có thể được tổ chức dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Công ty liên doanh với nước ngoài, Công ty ở nước ngoài.
9. “Công ty liên kết”: Là Công ty, đơn vị kinh tế có cổ phần, vốn góp không chi phối của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà trong vốn điều lệ chiếm từ 15% đến 50% trong khi không nắm trên 50% quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông đối với Công ty cổ phần, hoặc không nắm trên 50% quyền biểu quyết tại hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, không nắm quyền biểu quyết chi phối tại các Công ty liên doanh, Công ty ở nước ngoài.
10. “Vốn chủ sở hữu tại Công ty”: Là vốn góp của các cổ đông, cổ phiếu quỹ, thặng dư vốn; vốn và các quỹ thuộc sở hữu của Công ty bổ sung từ lợi nhuận sau thuế.
11. “Tài sản của Công ty” bao gồm: tài sản cố định (tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn); tài sản lưu động (tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản lưu động khác) mà Công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt theo quy định của pháp luật.
12. “Vốn huy động của Công ty” là số vốn Công ty huy động theo các hình thức: phát hành trái phiếu, vay của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và các hình thức huy động khác mà pháp luật không cấm.
13. “Bảo toàn vốn chủ sở hữu tại Công ty” là việc giữ nguyên không để thâm hụt vốn chủ sở hữu tại Công ty trong suốt quá trình kinh doanh;
14. “Ban điều hành Công ty” bao gồm: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty được HĐQT bổ nhiệm.
15. “Vốn Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác” là vốn do Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác gồm: vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất; giá trị những tài sản khác của Công ty được Công ty đầu tư hoặc góp vốn vào các doanh nghiệp khác; giá trị cổ phần, giá trị vốn do Công ty sở hữu tại các công ty cổ phần, công ty TNHH và các đơn vị kinh tế khác.
16. “Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác” là người được Hội đồng quản trị Công ty ủy quyền để quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.
17. “Việt Nam” có nghĩa là Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương II: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Mục 1: QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 3. Vốn của Công ty

1. Vốn của Công ty bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn vay và vốn thuê tài chính.
2. Công ty duy trì cơ cấu vốn chủ sở hữu, vốn vay và thuê tài chính trên nguyên tắc phù hợp với chiến lược kinh doanh, bảo đảm bền vững tài chính, phù hợp với vốn pháp định của Nhà nước quy định đối với lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đăng ký.

Điều 4. Vốn điều lệ của Công ty

1. Vốn điều lệ của Công ty là vốn ghi trong Giấy đăng ký kinh doanh và Điều lệ Công ty. Các cổ đông đã đăng ký mua cổ phần của Công ty có trách nhiệm góp đủ số vốn đã đăng ký mua. Quá thời hạn quy định, Công ty sẽ thu hồi cổ phần để bán lại theo các nội dung đã biểu quyết tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông đã thông qua hoặc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để quyết định điều chỉnh giảm vốn điều lệ của công ty;
2. Điều chỉnh vốn điều lệ
Trong quá trình kinh doanh, tùy theo yêu cầu phát triển từng thời kỳ, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty. Khi tăng hoặc giảm vốn điều lệ, Công ty đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh, điều chỉnh vốn ghi trong điều lệ và công bố vốn điều lệ đã điều chỉnh.
3. Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh tăng trong các trường hợp sau:
 - a. Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp cơ cấu lại nợ của doanh nghiệp theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp cổ phần theo thoả thuận giữa doanh nghiệp và các chủ nợ;
 - b. Chuyển đổi trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành ra bên ngoài thành cổ phần: Việc tăng vốn điều lệ chỉ được thực hiện khi đã đảm bảo đủ các điều kiện để trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần theo Quy định của pháp luật và phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
 - c. Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu;
 - d. Phát hành cổ phiếu mới để thực hiện sáp nhập một bộ phận hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác vào công ty;
 - e. Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ.
4. Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh giảm trong các trường hợp sau:
 - a. Giảm vốn điều lệ khi nhu cầu về vốn của Công ty giảm do Công ty thay đổi ngành nghề kinh doanh, tổ chức lại với quy mô nhỏ hơn trước. Việc điều chỉnh giảm vốn điều lệ và thanh toán tiền cho các cổ đông thực hiện theo các hình thức sau:
 - Công ty mua và huỷ bỏ một số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm theo phương án được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết

Quy chế quản lý tài chính Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

thông qua hoặc huỷ bỏ số lượng cổ phiếu quỹ buộc phải huỷ. Theo hình thức này thì Công ty không phải trả lại tiền cho các cổ đông

- Công ty thu hồi và huỷ bỏ một số cổ phiếu của các cổ đông với tổng mệnh giá tương ứng với số vốn điều lệ giảm. Theo hình thức này thì mỗi cổ đông trong Công ty bị thu hồi một số lượng cổ phần theo tỷ lệ giữa số vốn dự kiến giảm với tổng mức vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm trước khi điều chỉnh. Cụ thể:

$$\text{Số lượng cổ phần thu hồi của từng cổ đông} = \text{Số lượng cổ phần cổ đông đó đang sở hữu} \times \frac{\text{Số vốn dự kiến giảm}}{\text{Vốn điều lệ của Công ty}}$$

Theo đó, số tiền Công ty phải trả cho từng cổ đông bằng số lượng cổ phần thu hồi của từng cổ đông nhân với mệnh giá cổ phần.

- Điều chỉnh giảm mệnh giá cổ phần mà không làm thay đổi số lượng cổ phần. Theo hình thức này, Công ty thu hồi cổ phiếu của các cổ đông và phát lại cổ phiếu mới với mệnh giá đã được điều chỉnh giảm. Công ty phải trả cho mỗi cổ đông một khoản tiền tương ứng với số lượng cổ phần của từng cổ đông nhân với chênh lệch giữa mệnh giá cũ và mệnh giá mới.
- b. Giảm vốn điều lệ khi Công ty kinh doanh thua lỗ 3 năm liên tiếp và có số lỗ lũy kế bằng 50% vốn điều lệ trở lên nhưng chưa mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Trong trường hợp này, Công ty không thanh toán lại tiền cho cổ đông khi thực hiện giảm vốn điều lệ;

Các trường hợp tăng giảm vốn trên đây đều phải thực hiện theo đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Công ty trong việc sử dụng vốn và quỹ do Công ty quản lý

1. Công ty được quyền chủ động sử dụng số vốn, các quỹ do Công ty quản lý vào hoạt động kinh doanh; Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về bảo toàn, phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn.
2. Trong trường hợp Công ty tạm thời sử dụng tiền nhàn rỗi của các quỹ thuộc phạm vi quản lý vào kinh doanh thì phải đảm bảo đủ nguồn chi của các quỹ đó khi có nhu cầu sử dụng. Việc sử dụng vốn, quỹ để đầu tư xây dựng phải theo các quy định của Công ty và pháp luật Việt Nam về quản lý đầu tư và xây dựng.
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm thực hiện mọi biện pháp và hành động cụ thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi các biện pháp được quy định trong điều lệ, quy chế này và các quy định khác có liên quan của Công ty nhằm bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông, đảm bảo quyền lợi của những người liên quan đến Công ty như các chủ nợ, khách hàng, người lao động theo các hợp đồng đã giao kết.

Điều 6. Huy động vốn

1. Công ty thực hiện việc huy động các nguồn vốn khác nhau cho hoạt động sản xuất kinh doanh theo nhu cầu vốn thực tế và quy định của pháp luật.

Quy chế quản lý tài chính Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

2. Công ty được huy động vốn để sản xuất kinh doanh dưới hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và/hoặc phát hành cổ phiếu ra thị trường phù hợp với chiến lược kinh doanh và chiến lược tài chính của Công ty trong từng thời kỳ.
3. Công ty được quyền huy động vốn để sản xuất kinh doanh dưới hình thức phát hành trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu công ty; vay vốn của tổ chức ngân hàng, tín dụng và các tổ chức tài chính khác, của cá nhân, tổ chức ngoài công ty; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.
4. Việc huy động vốn của các cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý vay nợ nước ngoài.
5. Việc huy động vốn vay để sản xuất kinh doanh được thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả bằng và chỉ giới hạn trong toàn bộ tài sản của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn huy động.
6. Tổng giám đốc có trách nhiệm xây dựng kế hoạch huy động vốn trình Hội đồng quản trị phê duyệt theo từng quý tại các kỳ họp Hội đồng quản trị đầu quý. Kế hoạch huy động vốn phải có thuyết minh về kế hoạch lưu chuyển tiền tệ của quý làm cơ sở cho Hội đồng quản trị xem xét quyết định.
7. Trong trường hợp Công ty huy động vốn dưới hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và/hoặc phát hành cổ phiếu ra thị trường, Hội đồng quản trị đề xuất các loại cổ phiếu mới sẽ được phát hành, quyền lợi, quyền ưu tiên, quyền hạn và đặc quyền của mỗi loại cổ phiếu, và số lượng cổ phiếu được phát hành đối với mỗi loại để Đại Hội đồng cổ đông phê chuẩn.
8. Hội đồng quản trị quyết định tất cả các hợp đồng vay vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước trừ các hợp đồng vay vốn thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông
9. Đối với các khoản vay vốn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị sẽ thông qua phương án vay, mức lãi suất bảo lãnh khoản vay của Công ty, bảo lãnh cho các công ty con và các đơn vị thành viên. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các hợp đồng vay vốn, bảo lãnh vốn vay thuộc thẩm quyền của HĐQT khi cần thiết;
10. Trường hợp cần thiết phải huy động các khoản vay của các tổ chức, cá nhân không phải là ngân hàng hay các tổ chức tài chính tín dụng mà có mức lãi suất vượt quá 1,2 lần mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản sẽ phải được HĐQT thông qua. Đối với các khoản vay của tổ chức và cá nhân khác có mức lãi suất cao hơn mức lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại nhưng chưa vượt 1,2 lần sẽ do Tổng giám đốc đề xuất để Chủ tịch HĐQT quyết định.
11. Đối với hình thức huy động vốn khác như: Phát hành trái phiếu, phát hành cổ phiếu ra bên ngoài, mua bán tài sản có kỳ hạn và các hình thức huy động vốn khác với các hình thức đã nêu trên đây thì Tổng giám đốc phải có kế hoạch và phương án chi tiết trình Hội đồng quản trị thông qua trước khi thực hiện.

Điều 7. Quản lý các khoản phải trả về huy động vốn

Đối với các khoản nợ phải trả về huy động vốn, Ban điều hành công ty có trách nhiệm:

1. Mở sổ theo dõi các khoản nợ phải trả về huy động vốn chi tiết theo từng hợp đồng vay, từng lần giải ngân và phản ánh tất cả các khoản lãi phát sinh đúng kỳ kế toán;
2. Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của công ty, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời không để phát sinh các khoản nợ quá hạn;
3. Đối với các khoản vay có thế chấp bằng tài sản của Công ty hoặc được bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ 3 thì cần phải theo dõi cả giá trị và tình trạng vật chất của các tài sản thế chấp hàng tháng.
4. Đối với các khoản nợ phải trả về huy động vốn bằng ngoại tệ Công ty phải hạch toán toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh của số dư nợ phải trả vào chi phí kinh doanh trong kỳ để tạo nguồn trả nợ.

Điều 8. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty

1. Công ty được quyền sử dụng vốn, tài sản thuộc quyền quản lý để đầu tư ra ngoài Công ty. Việc đầu tư ra ngoài Công ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập và không làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của Công ty.
2. Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty:
 - a. Đầu tư thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
 - b. Góp vốn để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn từ 2 thành viên trở lên, công ty hợp danh, công ty liên doanh, công ty liên kết; hợp tác xã, góp vốn vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới;
 - c. Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty hợp danh, hợp tác xã;
 - d. Mua lại một công ty khác;
 - e. Đầu tư vào trái phiếu và các công cụ nợ;
 - f. Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư ra ngoài Công ty:

Đại hội đồng cổ đông quyết định:

Sử dụng vốn của Công ty để đầu tư thành lập công ty con mới hoặc công ty liên kết trong nước và ngoài nước dưới các hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty có vốn đầu tư nước ngoài với mức cổ phần, góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh không thành lập pháp nhân vào mỗi công ty hoặc vào mỗi hợp đồng hợp tác kinh doanh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị quyết định:

- a. Sử dụng vốn của Công ty để góp vốn vào công ty khác, đầu tư thành lập công ty con mới hoặc công ty liên kết trong nước và ngoài nước dưới các hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty có vốn đầu tư nước ngoài với mức cổ phần, vốn góp của Công ty vào mỗi công ty nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- b. Đầu tư các dự án khác bao gồm cả đầu tư vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh không thành lập pháp nhân: với mức vốn nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- c. Hội đồng quản trị có thể phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Công ty trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng quản trị.

Các Đơn vị/bộ phận đề xuất việc đầu tư ra ngoài Công ty đều phải lập văn bản trình Tổng giám đốc, làm căn cứ để Tổng giám đốc xem xét, thẩm định và trình HĐQT quyết định. Bản đề xuất/tờ trình phải bao gồm các nội dung chủ yếu như: Phương án đầu tư, hình thức đầu tư, phương án tài chính, lộ trình thu hồi vốn, phương án quản lý vốn đầu tư và các tài liệu thuyết minh cần thiết khác kèm theo.

4. Công ty chỉ được đầu tư hoặc góp vốn với các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành của Công ty là vợ hoặc chồng, bố, con, anh, chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc/Ban tổng giám đốc và kế toán trưởng doanh nghiệp đó đồng thời chiếm đa số quyền biểu quyết hoặc cùng nhau chiếm đa số quyền biểu quyết tại doanh nghiệp đó khi được 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị thông qua trước khi thực hiện.
5. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc Công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

Mục 2: QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN

Điều 9. Tài sản cố định, đầu tư tài sản cố định, khấu hao tài sản cố định

1. Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình và vô hình, tài sản cố định thuê tài chính, chi phí đầu tư, xây dựng cơ bản dở dang. Tiêu chuẩn xác định tài sản cố định thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.
2. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng thực hiện theo quy định dưới đây:
 - a. Hội đồng quản trị Công ty quyết định các dự án đầu tư có trong quy hoạch, kế hoạch phát triển 5 năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; HĐQT có thể phân cấp cho Tổng giám đốc Công ty quyết định đầu tư các dự án trong kế hoạch đầu tư đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt. Kế hoạch đầu tư tài sản cố định phải được Tổng giám đốc chuẩn bị và trình Hội đồng quản trị thông qua cùng với kế hoạch tài chính hàng năm. Trong kế hoạch đầu tư tài sản cố định phải có danh mục chi tiết từng tài sản dự kiến đầu tư, thời gian bắt đầu đầu tư, thời gian hoàn thành, tổng mức đầu tư và nguồn vốn sử dụng dự kiến. HĐQT phải phê duyệt quyết toán các dự án đầu tư đã hoàn thành.

- b. Đối với các dự án chưa có trong quy hoạch, kế hoạch phát triển được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Hội đồng quản trị chỉ được phép quyết định các dự án có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị có thể xem xét, phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

Trong trường hợp cần thiết đầu tư tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ sản xuất kinh doanh nhưng chưa nằm trong danh mục đầu tư tài sản cố định đã được Hội đồng quản trị phê duyệt thì Tổng giám đốc phải làm tờ trình riêng trình Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt trước khi ký hợp đồng với nhà cung cấp và thông báo với Hội đồng quản trị tại phiên họp Hội đồng quản trị gần nhất.

3. Trình tự, thủ tục đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.
4. Tất cả tài sản cố định hiện có của Công ty đều phải trích khấu hao theo chế độ tài chính hiện hành của pháp luật Việt Nam đối với công ty cổ phần. Ngoài ra Tổng giám đốc phải xây dựng kế hoạch trích khấu hao tài sản cố định chi tiết hàng năm làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản trị phê duyệt hàng năm.
5. Tổng giám đốc phải chỉ đạo các đơn vị/cá nhân liên quan xây dựng quy chế quản lý đầu tư, mua sắm tài sản cố định, vật tư, nguyên vật liệu, áp dụng cho văn phòng và các đơn vị trong Công ty. Trong trường hợp chưa có quy định riêng của Công ty cần vận dụng luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước trong việc đầu tư mua sắm tài sản cố định, vật tư, nguyên vật liệu. Trường hợp vận dụng các quy định của Nhà nước về đấu thầu, đầu tư mua sắm mà có những vấn đề chưa hợp lý với Công ty thì phải trình Hội đồng quản trị cho phép bỏ bớt một số thủ tục cụ thể cho phù hợp với điều kiện của Công ty.

Điều 10. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

1. Công ty được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn, và phát triển vốn theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc cho thuê, cầm cố thế chấp các tài sản có giá trị còn lại bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản, sử dụng tài sản của Công ty mang đi thế chấp, cầm cố để vay vốn đối với các tài sản có giá trị còn lại bằng hoặc thấp hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản trong phạm vi quyền hạn của mình.
3. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật.

Điều 11. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn

1. Công ty được quyền chủ động và có trách nhiệm nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được; các khoản đầu tư dài hạn không có nhu cầu tiếp tục đầu tư để thu hồi vốn.
2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản đầu tư dài hạn:
 - a. Hội đồng quản trị quyết định phương án thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư dài hạn, tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại sổ sách hoặc giá trị thực tế từ 1 tỷ đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và theo quy định của pháp luật Việt Nam. Hội đồng quản trị được ủy quyền hoặc phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định nhượng bán tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

Các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản đầu tư dài hạn có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng quản trị, do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
 - b. Tổng giám đốc sẽ quyết định thanh lý, nhượng bán các tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn có nguyên giá và giá trị còn lại hoặc giá trị thực tế dưới 1 tỷ đồng.
3. Việc nhượng bán tài sản được thực hiện thông qua tổ chức bán đấu giá hoặc do Công ty tự tổ chức đảm bảo thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Việc nhượng bán được thực hiện dưới hình thức đấu giá hoặc thoả thuận. Trường hợp bán theo hình thức thoả thuận thì giá bán phải phù hợp với giá thị trường.

Điều 12. Quản lý đầu tư đối với các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản

Việc đầu tư kinh doanh bất động sản cần phải tuân thủ các quy định của nhà nước về đầu tư kinh doanh bất động sản.

1. Thẩm quyền ra quyết định đầu tư các dự án bất động sản như sau:

Đại hội đồng cổ đông quyết định đầu tư các dự án đầu tư có tổng mức đầu tư bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Hội đồng quản trị quyết định đầu tư các dự án có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
2. Trình tự ra các quyết định đầu tư các dự án bất động sản được thực hiện như sau:
 - Đối với các dự án Công ty thực hiện với vai trò chủ đầu tư cấp 1 với thời gian chuẩn bị đầu tư kéo dài và đòi hỏi nhiều thủ tục theo quy định của các cơ quan Nhà nước có liên quan, Tổng giám đốc phải lập tờ trình gửi Hội đồng quản trị về việc chấp thuận chủ chương đầu tư dự án. Trong tờ trình cần có đầy đủ thông tin về tiềm năng của dự án, các thông tin sơ bộ về các thuận lợi, khó khăn dự kiến nếu thực hiện đầu tư và các rủi ro cơ bản có thể xảy ra trong quá trình đầu tư dự án trước khi thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư theo các quy định của Nhà nước về kinh doanh bất động sản.

Quy chế quản lý tài chính Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

- Sau khi được chấp thuận chủ chương đầu tư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Tổng giám đốc phải lập phương án tài chính tổng quát liên quan đến việc thực hiện dự án để trình Hội đồng quản trị làm cơ sở cho việc ra quyết định đầu tư. Trong phương án tài chính tổng quát tối thiểu phải bao gồm các thông tin sau: Tổng mức đầu tư dự kiến, thời gian giải ngân dự kiến, nguồn vốn tự có, nguồn vốn huy động, tiến độ giải ngân và tiến độ thu hồi tiền, dự báo sơ bộ về hiệu quả của dự án, ảnh hưởng của việc triển khai dự án đến hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai của Công ty đặc biệt là ảnh hưởng đến tình hình tài chính và tình hình lưu chuyển tiền của Công ty.
- Đối với các dự án do Công ty nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần từ các đối tác đã hoàn tất toàn bộ hoặc một phần thủ tục chuẩn bị đầu tư hoặc các thủ tục chuẩn bị đầu tư còn lại không nhiều, Tổng giám đốc có thể trình ngay phương án tài chính để Hội đồng quản trị xem xét ra quyết định đầu tư mà không cần thủ tục trình chấp thuận chủ chương đầu tư.
- Đối với các dự án đầu tư, kinh doanh bất động sản, các vấn đề sau đây đều phải có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị Công ty:
 - o Phương án mua lại các dự án, giá mua, kê cả mua lại sản phẩm bất động sản đã hoàn thành;
 - o Tham gia hợp tác đầu tư kinh doanh bất động sản với các chủ đầu tư khác dưới mọi hình thức như: góp vốn đầu tư, đầu tư thứ phát, và các hình thức hợp tác kinh doanh bất động sản khác;
 - o Chấp nhận các tổ chức, cá nhân tham gia hợp tác đầu tư kinh doanh bất động sản đối với các dự án mà Công ty là chủ đầu tư không nằm trong kế hoạch hoặc phương án đã được Hội đồng quản trị phê duyệt trước đó;
 - o Phương án bán và giá bán các sản phẩm bất động sản của các dự án do Công ty là chủ đầu tư.
 - o Phương án mua, giá mua, phương án bán, giá bán các bất động sản do Công ty mua về để bán hoặc đầu tư lâu dài để cho thuê hoặc bán;
 - o Tổng mức dự toán cho các công trình thuộc các dự án Công ty làm chủ đầu tư;
 - o Phê chuẩn kết quả đấu thầu và chỉ định thầu đối với các nhà thầu xây dựng, cung cấp thiết bị và tư vấn.
 - o Phê duyệt việc lựa chọn đơn vị kiểm toán quyết toán vốn đầu tư cho các dự án do Công ty làm chủ đầu tư và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án do Tổng giám đốc lập và trình.

Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản.

Điều 13. Quản lý hàng hoá tồn kho

1. Hàng hoá tồn kho là hàng hoá mua về để bán còn tồn kho bao gồm cả hàng hóa bất động sản, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên

đường, sản phẩm dở dang đang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán.

2. Nguyên tắc quản lý hàng tồn kho

- Đảm bảo duy trì lượng hàng tồn kho tối thiểu nhưng không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Công ty sẽ xem xét và lựa chọn phương án thuê/mua kho phù hợp với từng loại vật tư, hàng hóa tồn kho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ, đảm bảo nguyên tắc hiệu quả và tiết kiệm;
- Tổ chức quản lý kho một cách khoa học và hiệu quả, hạn chế mất mát, hư hỏng;
- Đối với các loại vật tư hàng hóa cần phải quản lý theo định mức tiêu hao, Tổng giám đốc phải xây dựng định mức tiêu hao trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả hoặc áp dụng các quy định của Nhà nước về quản lý định mức tiêu hao nguyên vật liệu tương ứng.

3. Tổ chức quản lý hàng tồn kho

- Tổng giám đốc Công ty có quyền và chịu trách nhiệm chỉ đạo xử lý ngay những hàng hoá tồn kho kém phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn.
- Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thu hồi được thì Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

4. Quản lý hàng tồn kho là hàng hóa bất động sản và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

- Hàng hóa bất động sản là các sản phẩm bất động sản do Công ty tự đầu tư, xây dựng hoàn thành hoặc Công ty mua về để bán ra ở trong trạng thái đã sẵn sàng để bán và bàn giao cho khách hàng;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đối với các sản phẩm bất động sản là chi phí lũy kế trong việc chuẩn bị đầu tư, chi phí thực hiện đầu tư, xây dựng, lắp đặt thiết bị và toàn bộ các chi phí khác hợp lý có liên quan trực tiếp trong việc hình thành nên hàng hóa bất động sản sau này tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính mà chưa đủ điều kiện để ghi nhận là hàng hóa bất động sản.
- Đối với hàng hóa bất động sản, Công ty phải quản lý danh mục hàng hóa đến từng đơn vị hàng hóa (thửa đất, căn nhà, căn hộ, tòa nhà...) bao gồm cả các hồ sơ pháp lý liên quan phù hợp với từng loại hàng hóa bất động sản. Cuối kỳ kế toán, phải thực hiện kiểm kê đầy đủ số lượng, đánh giá chất lượng, giá trị và kiểm kê toàn bộ hồ sơ pháp lý liên quan. Trường hợp có dấu hiệu giảm giá cũng phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định tài chính hiện hành của Nhà nước và Công ty.
- Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến dự án đầu tư bất động sản và các công trình xây dựng, tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính cũng cần được kiểm kê khối lượng, chất lượng và giá trị chi tiết cho từng hạng mục, từng dự án, có xác nhận của các bộ phận liên quan trong Công ty để đảm bảo giá trị và khối

lượng liên quan đến từng hạng mục công trình dở dang, từng dự án dở dang đã được ghi nhận, đánh giá một cách tin cậy và thận trọng, phù hợp với các chuẩn mực kế toán hiện hành.

Điều 14. Quy chế mua sắm

1. Việc mua sắm hàng hóa, nguyên vật liệu, vật tư tài sản cố định, máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và mua sắm tài sản khác của Công ty phải tuân thủ quy chế mua sắm của Công ty.
2. Tổng giám đốc có trách nhiệm xây dựng quy chế mua sắm của Công ty. Trong trường hợp Công ty chưa xây dựng được quy chế mua sắm tài sản, vật tư thiết bị thì vận dụng các quy định của Nhà nước về đấu thầu, mua sắm tài sản, vật tư áp dụng cho các doanh nghiệp Nhà nước. Trường hợp áp dụng các quy định của Nhà nước về đấu thầu mà mua sắm tài sản mà có nhiều thủ tục không phù hợp với Công ty thì Tổng giám đốc có thể trình Hội đồng quản trị phê duyệt việc không áp dụng các thủ tục không phù hợp đó.
3. Hàng năm, Công ty phải thành lập tổ xét thầu và thẩm định thầu để lựa chọn danh sách các nhà cung cấp các gói mua sắm hàng hóa, vật tư, nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất.
4. Các gói mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ bản, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê duyệt trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định đấu thầu thì Công ty phải thành lập tổ xét thầu và thẩm định thầu và phải có ít nhất là 3 nhà thầu đủ điều kiện tham dự hoặc chào hàng cạnh tranh. Trong tổ xét thầu và thẩm định thầu nhất thiết phải có một thành viên là người am hiểu chuyên môn đối với tài sản cần mua sắm và phải có một thành viên thuộc bộ phận kiểm soát tài chính hoặc kiểm soát nội bộ của Công ty tham gia. Đối với các gói thầu thuộc phạm vi xem xét phê duyệt bởi Hội đồng quản trị, kết quả đấu thầu hoặc chỉ định thầu phải được HĐQT phê duyệt trước khi ký hợp đồng với đối tác liên quan. Kết quả đấu thầu, chỉ định thầu và hồ sơ liên quan kèm theo phải gửi cho HĐQT trước ít nhất là 10 ngày so với các cuộc họp định kỳ hàng tháng. Trong trường hợp cần thiết đòi hỏi thời gian ngắn hơn, thì Chủ tịch HĐQT sẽ xem xét và quyết định việc có tổ chức phiên họp bất thường hoặc rút ngắn thời gian thẩm định để giải quyết cho phù hợp. HĐQT có thể phân cấp và ủy quyền cho Tổng giám đốc hoặc các bộ phận liên quan thẩm tra và phê duyệt kết quả đấu thầu và chỉ định thầu thuộc thẩm quyền của HĐQT.
5. Nghiêm cấm việc chia nhỏ các gói thầu có cùng tính chất, nội dung và thời gian thực hiện để tăng/giảm thẩm quyền quyết định của HĐQT.
6. Phải tìm hiểu kỹ nhà cung cấp, thường xuyên rà soát tình trạng pháp lý, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của nhà cung cấp, phải ký hợp đồng mua bán với nhà cung cấp. Khi nhận hóa đơn mua hàng, người mua phải ký vào cả 3 liên hóa đơn và lưu ý hóa đơn phải ghi đầy đủ, rõ ràng, đúng theo nội dung đã in sẵn trên hóa đơn, không được tẩy xóa. Khi thanh toán phải có chữ ký xác nhận của đơn vị trưởng. Với nhà cung cấp lần đầu, yêu cầu nhà cung cấp xuất trình các văn bản pháp lý xác nhận các nhà cung cấp đang thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: Đăng ký

kinh doanh, tờ khai thuế GTGT của tháng gần nhất, phải kiểm tra trụ sở, địa điểm của nhà cung cấp.

7. Các đơn vị mua vật tư, hàng hóa phải tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của hóa đơn, tính có thực của chi phí phát sinh. Trong trường hợp cá nhân thuộc đơn vị nào vi phạm việc mua bán hóa đơn bất hợp pháp thì cá nhân và đơn vị trưởng đơn vị đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật
8. Vật tư hàng hóa mua về phải làm thủ tục nhập kho đúng theo số lượng thực tế, đơn giá đã ghi trên hóa đơn cho từng chủng loại, Phòng kỹ thuật công nghệ phải chịu trách nhiệm kiểm chất lượng vật tư, hàng hóa trước khi nhập kho, nếu chất lượng không đảm bảo theo tiêu chuẩn của Công ty, yêu cầu đơn vị mua trả lại ngay cho nhà cung cấp.
9. Các đơn vị nào tự ý mua vật tư không theo các quy định trên thì sẽ phải tự chịu trách nhiệm. Công ty sẽ không làm thủ tục thanh toán.

Điều 15. Tín dụng bán hàng

1. Tổng giám đốc xây dựng chính sách tín dụng bán hàng phù hợp với từng loại sản phẩm và điều kiện thị trường, phù hợp với kế hoạch kinh doanh trong từng thời kỳ.
2. Nguyên tắc xây dựng chính sách tín dụng bán hàng:
 - Đảm bảo an toàn tài chính;
 - Phù hợp chiến lược tăng trưởng, tăng thị phần, đảm bảo tính cạnh tranh đối với các đối thủ kinh doanh đối với các sản phẩm tương tự trên thị trường;
 - Tính đến các biện pháp tín dụng của các đối thủ cạnh tranh và khả năng đáp ứng của các tập khách hàng chủ yếu.

Điều 16. Quản lý các khoản nợ phải thu

Trách nhiệm của Tổng giám đốc Công ty trong quản lý nợ phải thu:

1. Xây dựng và ban hành quy trình quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ.
2. Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), tuổi nợ, đơn đốc thu hồi nợ.
3. Công ty được quyền bán các khoản nợ phải thu theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm cả nợ phải thu trong hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được để thu hồi vốn. Giá bán các khoản nợ do các bên tự thỏa thuận. Các phương án bán các khoản nợ phải thu phải được HĐQT thông qua trước khi thực hiện.
4. Nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ quá hạn thanh toán theo quy định ghi trên hợp đồng mà Công ty đã áp dụng các biện pháp tích cực thu hồi nhưng không thu hồi được hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ khó có khả năng thanh toán. Công ty phải trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy

định tài chính và kế toán hiện hành của Nhà nước. Trường hợp các khoản nợ quá hạn và khó đòi nhưng không đủ các điều kiện để trích lập dự phòng để xác định chi phí hợp lý hợp lệ để tính thuế theo các quy định của luật thuế hiện hành thì vẫn phải tính toán và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để xác định kết quả kinh doanh của Công ty một cách thận trọng.

Công ty có trách nhiệm xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Số nợ không có khả năng thu hồi sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể liên quan được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính. Nếu còn thiếu, thì hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty .

Nợ không có khả năng thu hồi sau khi xử lý như trên, Công ty vẫn phải theo dõi trên tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán và tổ chức thu hồi. Số tiền thu hồi được hạch toán vào thu nhập của Công ty .

Định kỳ hàng quý, Tổng giám đốc phải có tờ trình về tình hình nợ quá hạn, nợ khó đòi và đề xuất các phương án xử lý để báo cáo HĐQT. Hội đồng quản trị có trách nhiệm phê duyệt các phương án xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được một cách kịp thời. Trường hợp tổng số các khoản nợ khó đòi cần xử lý trong kỳ báo cáo bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ hoặc 50% vốn chủ sở hữu tùy thuộc giá trị nào thấp hơn, HĐQT phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét và xử lý.

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được. Nếu không xử lý kịp thời các khoản nợ không thu hồi được theo quy định tại khoản này thì Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật.

Điều 17. Kiểm kê tài sản

Công ty phải tổ chức kiểm kê, xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đối chiếu xác nhận các khoản công nợ phải trả, phải thu tại thời điểm khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm; khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; sau khi xảy ra thiên tai, địch họa hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động lớn về tài sản của Công ty. Đối với tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định. Phòng Tài chính kế toán Công ty sẽ là bộ phận chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn và tổng hợp kết quả kiểm kê của toàn Công ty và các thời điểm khoá sổ lập báo cáo tài chính hàng năm.

Điều 18. Xử lý tổn thất tài sản

Tổn thất về tài sản là tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. Công ty phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

1. Nếu nguyên nhân do chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường. Hội đồng quản trị quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật Việt Nam và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.
3. Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Công ty. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.
4. Những trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, Công ty không thể tự khắc phục được thì Hội đồng quản trị lập phương án xử lý tổn thất trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
5. Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính doanh nghiệp.

Điều 19. Đánh giá lại tài sản Công ty

1. Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:
 - a. Phát hành cổ phiếu cho đối tác chiến lược trên 20% vốn điều lệ Công ty;
 - b. Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài Công ty.
2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Nhà nước Việt Nam. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

MỤC 3: QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Điều 20. Quản lý công nợ phải trả và rủi ro tài chính

1. Đối với các khoản công nợ phải trả, Công ty có trách nhiệm:
 - a. Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản công nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả;
 - b. Thanh toán các khoản công nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời, không để phát sinh các khoản nợ quá hạn;
 - c. Trường hợp phát sinh nợ quá hạn phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân để có biện pháp xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp khả năng không thanh toán được nợ đến hạn dự kiến có giá trị đến 10% vốn điều lệ hoặc vốn chủ sở hữu tùy thuộc vào giá trị nào thấp hơn, Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình không thanh toán được nợ đến hạn trong vòng ít nhất là 30 ngày kể từ ngày đến hạn mà không có khả năng thanh toán kèm theo các giải pháp xử lý để HĐQT xem xét quyết định tại kỳ họp gần nhất.
2. Đối với các khoản công nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty phải hạch toán toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh của số dư nợ phải trả vào chi phí kinh doanh trong kỳ để tạo nguồn trả nợ.

3. Công ty phải tổ chức việc đánh giá và phân tích, quản lý rủi ro tài chính định kỳ tối thiểu là hàng quý để báo cáo HĐQT vào các phiên họp kết thúc các quý, nhằm bảo đảm ổn định tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc đánh giá rủi ro tài chính sẽ do Tổng giám đốc chủ trì thực hiện và báo cáo HĐQT.

Điều 21. Trách nhiệm xây dựng hệ thống quản lý rủi ro tài chính

1. Hội đồng quản trị chỉ đạo xây dựng chính sách và hệ thống quản lý rủi ro tài chính của Công ty, HĐQT có thể phân cấp và ủy quyền cho các cá nhân và bộ phận liên quan thực hiện việc giám sát và cảnh báo rủi ro định kỳ và bất thường cho phù hợp với điều kiện kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.
2. Hệ thống quản lý rủi ro tài chính của Công ty có chức năng:
 - Dự đoán, quản lý dòng tiền và mức thanh khoản của Công ty;
 - Quản lý sự tác động của những biến động trong thị trường tài chính lên dòng tiền và bảng cân đối kế toán trong các lĩnh vực: đầu tư bất động sản, trao đổi ngoại tệ; thanh khoản (bao gồm vốn hoạt động); lãi suất; giá cả vật liệu chính, và tín dụng.

Mục 4: DOANH THU, CHI PHÍ

Điều 22. Doanh thu của Công ty

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ hoạt động kinh doanh và thu nhập khác do văn phòng Công ty, các đơn vị hạch toán phụ thuộc thực hiện.

1. Quy định về hoạch toán doanh thu từ hoạt động kinh doanh:
 - Doanh thu hoạt động kinh doanh bao gồm tổng các lợi ích thu được từ bán sản phẩm, hàng hóa, vật tư, dịch vụ, các sản phẩm bất động sản, chuyển nhượng các dự án, chuyển giao quyền kinh doanh, khai thác các dịch vụ tại các dự án đầu tư của Công ty, và các khoản thu nhập khác theo quy định hiện hành tại các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ về kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.
 - Các khoản hoa hồng doanh số, giảm giá khuyến mãi không tính vào doanh thu. Đồng thời, doanh thu không bao gồm các khoản thu hộ cho bên thứ ba, các khoản thuế và lệ phí của nhà nước.
 - Doanh thu đã ghi nhận trong kỳ kế toán nhưng không thu hồi được tiền bán sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ được hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ (trích dự phòng phải thu khó đòi) mà không ghi giảm doanh thu.
 - Trong trường hợp trao đổi sản phẩm hàng hóa, dịch vụ lấy sản phẩm khác không tương đương, doanh thu xác định trên cơ sở giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm.
 - Đối với doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản, Tổng giám đốc cần có dự trù kế hoạch doanh thu thực hiện tối thiểu là trước 1 năm so với kỳ báo cáo để có các

biện pháp ghi nhận và xử lý phù hợp với các chuẩn mực kế toán hiện hành và đảm bảo được chiến lược kinh doanh dài hạn của Công ty.

2. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- a. Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ;..., lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp;
- b. Lãi từ hoạt động cho thuê tài chính, lãi từ việc mua bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;
- c. Thặng dư lãi chuyển nhượng vốn, cổ tức, lợi nhuận được chia từ việc đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư ra ngoài Công ty;

3. Thu nhập khác gồm:

- a. Các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định;
- b. Thu tiền bảo hiểm được bồi thường, các khoản nợ phải trả nay mất chủ, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- c. Các khoản thu khác được ghi tăng thu nhập.

Điều 23. Chi phí, quản lý chi phí của Công ty

1. Chi phí của Công ty bao gồm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí khác của văn phòng Công ty, đơn vị hạch toán phụ thuộc.

a. Chi phí sản xuất kinh doanh:

- Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế), chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định;
- Chi phí khấu hao tài sản cố định tính theo quy định của chế độ tài chính hiện hành của nhà nước. Trường hợp Công ty áp dụng mức khấu hao nhanh hơn hay chậm hơn mức quy định của Nhà nước để xác định chi phí hợp lý hợp lệ khi xác định thu nhập chịu thuế thì phải có bản thuyết minh lý do cần phải áp dụng mức khấu hao đặc biệt để HĐQT xem xét chấp thuận trước khi thực hiện. Tổng chi phí khấu hao tài sản hàng năm đều phải được ước tính trong kế hoạch tài chính và kế hoạch kinh doanh hàng năm và phải có bản thuyết minh chi tiết đến từng danh mục tài sản để trình HĐQT phê duyệt cùng với phê duyệt kế hoạch tài chính hàng năm.
- Chi phí tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động do Hội đồng quản trị quyết định tổng quỹ lương của Công ty cho từng năm cùng với thời điểm phê duyệt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính từng năm. Tổng giám đốc có trách nhiệm lập kế hoạch phân phối tiền lương và dự kiến tổng quỹ tiền lương trình HĐQT phê duyệt phù hợp với quy định của Luật lao động hiện hành và điều kiện kinh doanh thực tế của Công ty. Đối với quyết định điều chỉnh mức lương, thưởng của các vị trí do HĐQT bổ nhiệm sẽ do Chủ tịch HĐQT đề xuất và HĐQT

Quy chế quản lý tài chính Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

thông qua. Việc điều chỉnh lương và tiền thưởng của các vị trí khác sẽ do Tổng giám đốc quyết định.

- Chi phí bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản bảo hiểm khác cho người lao động, Công ty phải xây dựng phương án thực hiện phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo phù hợp giữa lợi ích của Công ty và lợi ích của người lao động;
- Chi phí bằng tiền khác gồm:
 - o Các khoản thuế tài nguyên, thuế đất, thuế môn bài;
 - o Tiền thuê đất;
 - o Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động;
 - o Chi phí công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh ban đầu/định kỳ cho người lao động;
 - o Thưởng sáng kiến cải tiến, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư. Mức thưởng do Tổng giám đốc quyết định căn cứ vào hiệu quả công việc trên mang lại nhưng không được cao hơn số tiết kiệm chi phí do công việc đó mang lại trong 01 năm;
 - o Chi phí cho lao động nữ;
 - o Chi phí cho công tác bảo vệ môi trường;
 - o Chi phí bữa ăn giữa ca cho người lao động;
 - o Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại công ty (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định);
 - o Các khoản chi phí bằng tiền khác.
- Giá trị tài sản tồn thất thực tế, nợ phải thu không có khả năng thu hồi được xử lý theo quy định về tồn thất tài sản.
- Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng trợ cấp mất việc làm, thôi việc, trích lập theo quy định của chế độ tài chính hiện hành, chênh lệch tỷ giá, chi phí trích trước bảo hành sản phẩm.
- b. Chi phí hoạt động tài chính, bao gồm:
 - Các khoản chi liên quan đến đầu tư ra ngoài công ty;
 - Tiền lãi phải trả do huy động vốn;
 - Chênh lệch tỷ giá khi thanh toán, chi phí chiết khấu thanh toán;
 - Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.
- c. Chi phí khác, bao gồm:
 - Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán;
 - Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xoá sổ kế toán;
 - Chi phí để thu tiền phạt;
 - Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng;

- Các chi phí khác.
- 2. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây:
 - a. Chi phí mua sắm xây dựng, lắp đặt tài sản cố định hữu hình, vô hình;
 - b. Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư và xây dựng, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ của các khoản đầu tư xây dựng phát sinh trước thời điểm đưa công trình vào sử dụng;
 - c. Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty; các khoản chi không có chứng từ hợp lệ;
 - d. Các khoản tiền phạt về vi phạm pháp luật không mang danh công ty mà do cá nhân gây ra.
- 3. Quản lý chi phí của Công ty:
 - a. Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật để làm căn cứ điều hành sản xuất và quản lý chi phí của Công ty;
 - b. Tất cả các khoản mục chi phí đã nêu tại mục 1 điều này, các Trưởng đơn vị trong Công ty có trách nhiệm lập kế hoạch chi tiết những khoản mục chi phí thuộc chức năng đơn vị được giao. Chậm nhất ngày 31 tháng 12 của năm liền trước năm kế hoạch, phòng Tài chính kế toán có trách nhiệm thẩm định và lập bản tổng hợp kế hoạch chi phí chi tiết của toàn Công ty như một phần không tách rời của bản kế hoạch tài chính hàng năm Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
 - c. Phòng Tài chính kế toán có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện các khoản mục chi phí theo đúng kế hoạch đã lập. Cuối mỗi quý, Kế toán trưởng phải lập báo cáo tình hình thực hiện chi phí hàng quý và lũy kế chi phí từ đầu năm đến thời điểm báo cáo, so sánh với kế hoạch chi phí chi tiết đã lập. Trường hợp chưa đến kỳ báo cáo nhưng tổng chi phí thực tế có xu hướng khác biệt so với kế hoạch đã lập từ 10% trở lên thì Tổng giám đốc phải giải trình với HĐQT tại kỳ họp quý gần nhất tính từ thời điểm phát hiện dấu hiệu kế hoạch chi phí có khả năng khác biệt nêu trên.

Mục 5: LỢI NHUẬN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 24. Lợi nhuận của Công ty

Lợi nhuận của Công ty gồm lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính được chia từ các hoạt động đầu tư vốn của Công ty, lợi nhuận khác của văn phòng Công ty và đơn vị phụ thuộc Công ty .

- 1. Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm:
 - a. Chênh lệch giữa doanh thu từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ với tổng giá vốn toàn bộ sản phẩm, hàng hoá tiêu thụ hoặc chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ;
 - b. Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

2. Lợi nhuận các hoạt động khác là khoản chênh lệch giữa thu nhập từ các hoạt động khác với chi phí của hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

Điều 25. Phân phối lợi nhuận của Công ty

Lợi nhuận sau thuế của Công ty hàng năm được phân phối theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Bù đắp các khoản lỗ lũy kế từ các năm trước chuyển sang (nếu có);
- Trích các quỹ doanh nghiệp cần thiết cho chiến lược phát triển của Công ty phù hợp với điều lệ của Công ty như: Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ bổ sung vốn điều lệ.
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành phù hợp với điều kiện kinh doanh của Công ty và mong đợi hợp lý của người lao động;
- Chia cổ tức cho các cổ đông;

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính sau khi đã có báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Tổng giám đốc có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận trình HĐQT chậm nhất là ngày 31/03 của năm sau để Hội đồng quản trị xem xét thông qua tại kỳ họp HĐQT kết thúc năm tài chính và thống nhất phương án để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại các kỳ họp đại hội thường niên.

Điều 26. Mục đích sử dụng các quỹ

1. Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty:

Quỹ đầu tư phát triển sử dụng để đầu tư cho các dự án nghiên cứu phát triển, đầu tư mua sắm trang thiết bị, tài sản cần thiết cho quá trình phát triển kinh doanh lâu dài của Công ty; đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị và cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty; góp vốn, liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; đầu tư, góp vốn vào các đơn vị thành viên; đầu tư ra bên ngoài; bổ sung vốn sản xuất kinh doanh.

Việc sử dụng quỹ đầu tư phát triển phải thực hiện theo quy định của Quy chế này và Điều lệ hoạt động của Công ty.

2. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty, sử dụng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh; bù đắp các khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Việc sử dụng quỹ dự phòng tài chính phải tuân thủ theo quy định của Quy chế này và Điều lệ hoạt động của Công ty.

3. Quỹ khen thưởng của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty; Quỹ sử dụng để thưởng cuối năm hoặc thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên, thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty; thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.
4. Quỹ phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty dùng để đầu tư hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty; chi cho hoạt động phúc lợi công cộng

của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội; giúp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung của Công ty hoặc các đơn vị khác theo hợp đồng; ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Việc sử dụng quỹ phúc lợi phải được sự đồng ý của Tổng giám đốc và Chủ tịch công đoàn Công ty.

Mục 6: KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Điều 27. Kế hoạch tài chính

Tổng giám đốc có trách nhiệm xây dựng chiến lược tài chính dài hạn và kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với chiến lược và kế hoạch kinh doanh trình Hội đồng quản trị thông qua trước ngày 31/12 của năm trước. Hàng quý phải có đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính, so sánh với kế hoạch đã xây dựng để báo cáo HĐQT vào các kỳ họp HĐQT kết thúc hàng quý và cuối năm.

Điều 28. Báo cáo tài chính

1. Cuối kỳ kế toán (quý, năm) Công ty phải lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính cho HĐQT, Ban kiểm soát và báo cáo thống kê cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tổng giám đốc, Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước HĐQT và Ban kiểm soát cũng như trước các cơ quan pháp luật của Nhà nước về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cùng chịu trách nhiệm với Tổng giám đốc, Kế toán trưởng về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo tài chính trước các cổ đông.
2. Công ty phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm bởi một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện hoạt động một cách hợp pháp tại Việt Nam và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên lựa chọn.
3. Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm giải trình khi các cơ quan tài chính có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác tài chính kế toán của Công ty theo quy định của pháp luật Việt Nam.
4. Công ty thực hiện việc công bố công khai tình hình tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp cần thiết để phục vụ việc huy động vốn đầu tư ra ngoài Công ty (kể cả đầu tư ra nước ngoài), Công ty được phép cung cấp các báo cáo tài chính cho các ngân hàng, tổ chức tài chính, đối tác khác của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã công bố.

**MỤC 7: QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC
TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH**

Điều 29. Quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản lý Công ty, trong phạm vi thẩm quyền của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của Công ty.
2. Chịu trách nhiệm bảo toàn, phát triển vốn chủ sở hữu. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo thực hiện mục tiêu Đại hội đồng cổ đông giao cho Công ty. Đề nghị với Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh tăng hoặc giảm vốn điều lệ của Công ty.
3. Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt: chủ trương đầu tư và xây dựng, đầu tư ra ngoài Công ty; hợp đồng nhượng, bán tài sản vượt mức phân cấp cho Hội đồng quản trị; tỷ lệ trích các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng cho Ban quản lý điều hành; phương án huy động vốn dẫn đến thay đổi sở hữu Công ty.
4. Ngoài thẩm quyền quy định tại khoản 8 Điều 6, khoản 3 Điều 7, khoản 2 điều 10, khoản 1 Điều 11, khoản 3 Điều 13, khoản 1 Điều 19 và các điều khác của Quy chế này, Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau đây:
 - a. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm của Công ty;
 - b. Cử người đại diện phần vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác.
5. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế, xử lý các khoản lỗ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; thực hiện việc công bố, công khai các báo cáo tài chính hàng năm theo quy định;
6. Kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc, Giám đốc các đơn vị thành viên trong việc sử dụng, bảo toàn và tăng trưởng vốn, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các mục tiêu mà cổ đông giao cho công ty theo quy định của pháp luật Việt Nam.
7. Quyết định các vấn đề khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Công ty.

Điều 30. Nghĩa vụ và trách nhiệm về tài chính của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nghĩa vụ được giao vì lợi ích của cổ đông;
 - b. Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của Công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không được đem cho, tặng, cho mượn tài sản của Công ty cho bất kỳ đối tượng nào mà không vì lợi ích của Công ty;

- c. Hàng năm phải báo cáo kết quả quản lý, giám sát hoạt động của Công ty tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;
 - d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Công ty.
2. Chủ tịch HĐQT, thành viên Hội đồng quản trị vi phạm điều lệ Công ty, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật Việt Nam, Điều lệ Công ty.
 3. Chủ tịch HĐQT và thành viên Hội đồng quản trị sẽ bị điều trần và khiển trách trước HĐQT hoặc trước Đại hội đồng cổ đông, trường hợp nghiêm trọng có thể xem xét miễn nhiệm trước thời hạn trong những trường hợp sau đây:
 - a. Báo cáo không trung thực tình hình tài chính Công ty từ hai lần trở lên hoặc một lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty;
 - b. Để Công ty thua lỗ 3 năm liên tiếp trừ các trường hợp lỗ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; lỗ có lý do khách quan được giải trình và đã được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận; những năm mới hoạt động sau khi đầu tư mới, đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ mà trong báo cáo khả thi xác định bị lỗ;
 - c. Để xảy ra thiệt hại lớn về tài chính cho Công ty do cố tình thực hiện hoặc không phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - d. Không đôn đốc Tổng giám đốc ban hành, phổ biến và tổ chức thực hiện các định mức đã ban hành; tổ chức đánh giá, điều chỉnh các định mức cho phù hợp với thực tế và yêu cầu quản lý.
 - e. Trường hợp Công ty lâm vào tình trạng phá sản mà Hội đồng quản trị không yêu cầu Tổng giám đốc nộp đơn yêu cầu phá sản, Công ty cần thiết phải tổ chức lại, cơ cấu lại sở hữu mà Hội đồng quản trị không yêu cầu Tổng giám đốc tiến hành các thủ tục để tổ chức lại, giải thể hoặc cơ cấu lại sở hữu thì Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị liên quan có thể bị xem xét miễn nhiệm trước thời hạn.
 4. Trường hợp để Công ty thua lỗ hoặc không đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, không đảm bảo tiền lương tối thiểu cho người lao động thì Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT bị cắt giảm tiền phụ cấp hàng tháng, không được thưởng.
 5. Bị xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm đối với các hành vi:
 - a. Vi phạm chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và chế độ khác chưa đến mức độ truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - b. Quyết định đầu tư các dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn, không trả được nợ vay.
 6. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 31. Quyền hạn của Tổng giám đốc Công ty

1. Là đại diện pháp nhân của Công ty, có quyền điều hành cao nhất trong việc thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động kinh doanh để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do Hội đồng quản trị quy định. Đề nghị với Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh tăng hoặc giảm vốn Điều lệ của Công ty, phát hành cổ phiếu tăng vốn.
2. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị việc bảo toàn và phát triển vốn tại Công ty.
3. Quyết định các dự án đầu tư, dự án đầu tư ra ngoài Công ty, phương án vay vốn, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản theo phân cấp của Hội đồng quản trị. Trình Hội đồng quản trị phê duyệt các dự án, phương án vượt thẩm quyền.
4. Xây dựng để trình Hội đồng quản trị quyết định chiến lược tài chính dài hạn và kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh; các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, định mức chi phí tài chính và chi phí khác phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty làm căn cứ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .

Điều 32. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng giám đốc

1. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật trong việc điều hành hoạt động của Công ty.
2. Chịu trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản vốn huy động và các nguồn vốn khác của Công ty; chịu trách nhiệm vật chất đối với những thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho Công ty .
3. Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn, nghĩa vụ được giao vì lợi ích của cổ đông.
4. Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của Công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không đem cho, tặng, cho mượn tài sản của Công ty cho bất kỳ đối tượng nào.
5. Khi Công ty không có khả năng thanh toán được các khoản nợ phải trả, các nghĩa vụ tài sản thì phải báo cáo Hội đồng quản trị, đồng thời thông báo cho các chủ nợ biết và tìm các giải pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty và không được tăng lương, trả tiền thưởng cho người lao động, cán bộ quản lý. Nếu không thực hiện các biện pháp này mà gây thiệt hại cho các chủ nợ thì phải chịu trách nhiệm cá nhân với các thiệt hại đó.
6. Trường hợp vi phạm Điều lệ Công ty, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật Việt Nam, Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị quyết định mức bồi thường.
7. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua báo cáo tài chính của Công ty. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo tài chính và các thông tin tài chính khác.

Quy chế quản lý tài chính Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

8. Tổng giám đốc có thể bị điều trần trước HĐQT, trường hợp nghiêm trọng có thể bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp sau đây:
 - a. Báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty hai lần trở lên hoặc một lần nhưng sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty;
 - b. Để Công ty thua lỗ 3 năm liên tiếp trừ các trường hợp lỗ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; lỗ có lý do khách quan được giải trình và đã được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận; những năm mới hoạt động sau khi đầu tư mới, đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ mà trong báo cáo khả thi đã xác định có lỗ;
 - c. Để xảy ra thiệt hại lớn về tài chính cho Công ty do cố tình thực hiện hoặc không phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - d. Công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản; Công ty cần thiết phải tổ chức lại, giải thể, cơ cấu lại sở hữu mà không tiến hành các thủ tục để tổ chức lại, giải thể hoặc cơ cấu lại sở hữu;
 - e. Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do người bổ nhiệm, tuyển dụng giao hoặc không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng;
 - f. Không ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí tài chính và chi phí khác; không phổ biến đến tận đối tượng thực hiện định mức, không tổ chức thực hiện các định mức; không tổ chức phân tích, đánh giá sửa đổi, bổ sung các định mức cho phù hợp với thực tế và yêu cầu công tác quản lý.
9. Trường hợp để Công ty thua lỗ hoặc không đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận theo quy định của Đại hội đồng cổ đông hoặc chỉ tiêu do người bổ nhiệm giao, không đảm bảo tiền lương tối thiểu cho người lao động thì bị hạ tiền lương, không được thưởng. Việc thực hiện cắt giảm tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.
10. Bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm đối với các hành vi:
 - a. Vi phạm chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và chế độ khác chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - b. Quyết định các dự án đầu tư không hiệu quả, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư không đúng kế hoạch, kéo dài dẫn đến chậm thu hồi vốn, không thu hồi được vốn, không trả được nợ.
11. Hàng năm Tổng giám đốc phải có báo cáo về kết quả điều hành hoạt động của Công ty gửi Hội đồng quản trị vào kỳ họp kết thúc năm trước khi tổ chức phiên họp đại hội đồng cổ đông thường niên.
12. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Mục 8: ỦY QUYỀN VÀ NGUYÊN TẮC ỦY QUYỀN GIỮA CÁC CẤP BẬC TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 33: Các nguyên tắc cơ bản khi thực hiện ủy quyền

1. Ủy quyền là việc người ủy quyền chỉ định người được ủy quyền đại diện mình thực hiện một hoặc nhiều công việc trong phạm vi quy định tại giấy ủy quyền. Ủy quyền về tài chính được xây dựng nhằm xác định phạm vi mỗi cấp bậc quản lý được tự quyết định các khoản thu chi trong phạm vi mình được ủy quyền nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của các cấp bậc quản lý cũng như các bộ phận.
2. Người ủy quyền chỉ được phép ủy quyền cho người được ủy quyền thực hiện các công việc trong phạm vi quyền hạn của người ủy quyền được quy định trong Điều lệ Công ty. Người được ủy quyền không được phép ủy quyền lại cho người thứ ba khác thực hiện các công việc đã được ủy quyền bởi người ủy quyền.
3. Các công việc thực hiện theo ủy quyền phải đảm bảo thực hiện theo kế hoạch kinh doanh và trong phạm vi ngân sách đã được thống nhất.

Việc ủy quyền về tài chính thực hiện đối với các khoản mục như sau:

- Chi phí vốn
- Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh
- Pháp lý
- Tư vấn
- Thuế
- Đầu tư

Giá trị tiền tệ trong phạm vi được ủy quyền tùy thuộc vào từng vị trí được ủy quyền và không được vượt quá giá trị được quy định tại Điều lệ Công ty và tại Quy chế quản lý tài chính này.

Đối với các nội dung chi không nằm trong kế hoạch ngân sách thì Tổng giám đốc là người xem xét quyết định nếu khoản chi không quá trọng yếu với hoạt động sản xuất kinh doanh. Nếu là khoản phát sinh lớn thì phải được Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 34: Quyền và nghĩa vụ của Người ủy quyền

1. Quyền của Người ủy quyền:

Người ủy quyền được phép ủy quyền cho Người được ủy quyền thực hiện một phần công việc trong phạm vi quyền hạn và nghĩa vụ của Người ủy quyền được quy định trong Điều lệ Công ty và trong Quy chế quản lý tài chính này.

Người ủy quyền được phép kiểm tra, soát xét và giám sát việc thực hiện các nội dung ủy quyền của người được ủy quyền.

2. Nghĩa vụ của Người ủy quyền: Người ủy quyền là người chịu trách nhiệm cuối cùng về kết quả công việc đã ủy quyền cho người được ủy quyền.

Điều 35: Quyền và nghĩa vụ của Người được ủy quyền

1. Quyền của Người được ủy quyền:

Người được ủy quyền được quyền thực hiện mọi công việc có trong phạm vi được ủy quyền. Người được ủy quyền không được phép thực hiện bất gì công việc gì ngoài phạm vi được ủy quyền bởi Người ủy quyền mà không có sự cho phép của Người ủy quyền.

Người được ủy quyền được phép từ chối thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc đã được ủy quyền bởi Người ủy quyền.

2. Nghĩa vụ của Người được ủy quyền:

Người được ủy quyền có trách nhiệm báo cáo kết quả công việc thực hiện trong phạm vi được ủy quyền cho Người ủy quyền. Thời hạn báo cáo kết quả công việc cần được nêu rõ trong Giấy ủy quyền giữa Người ủy quyền và Người được ủy quyền.

Người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm cá nhân trong trường hợp thực hiện các công việc vượt quá phạm vi được ủy quyền.

Điều 36: Các nội dung cơ bản của Văn bản ủy quyền (Giấy ủy quyền)

Văn bản ủy quyền (Giấy ủy quyền) giữa các cấp bậc phải có các nội dung cơ bản sau đây:

1. Họ và tên, chức vụ, xác định nhân thân của Người ủy quyền và Người được ủy quyền;
2. Nội dung công việc ủy quyền;
3. Phạm vi ủy quyền;
4. Thời hạn ủy quyền.

Chương IV: MỐI QUAN HỆ VÀ QUẢN LÝ VỐN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 37. Đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty cổ phần, Công ty liên doanh và các tổ chức kinh tế khác

1. Công ty là chủ sở hữu đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty.
2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty là chủ sở hữu được tổ chức và hoạt động theo luật doanh nghiệp, có quyền tự chủ sản xuất kinh doanh và tự chủ tài chính, chịu sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ đối với Công ty theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Điều lệ công ty TNHH một thành viên trực thuộc sẽ do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà phê duyệt.
3. Đối với Công ty cổ phần, Công ty thực hiện mọi quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông, quyền sở hữu vốn theo quy định của pháp luật Việt Nam, Điều lệ tổ chức

hoạt động của Công ty cổ phần, công ty liên doanh và các tổ chức kinh tế khác tương ứng.

4. Đối với các Công ty liên doanh, Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của bên liên doanh, bên góp vốn theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo hợp đồng đã ký kết.

Điều 38. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Đối với các đơn vị hạch toán phụ thuộc thì tùy theo mức độ tổ chức hạch toán kinh tế của đơn vị và phân cấp của Công ty, Công ty quy định quyền hạn và trách nhiệm cụ thể của đơn vị đó trong lĩnh vực hoạt động tài chính cho phù hợp. Quy chế tổ chức hoạt động của các đơn vị này sẽ do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác

1. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công ty có các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Đối với các doanh nghiệp khác, Công ty có các quyền sau:
 - a. Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều lệ của doanh nghiệp khác;
 - b. Cử người đại diện để thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, thành viên góp vốn, các bên liên doanh;
 - c. Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật người đại diện phần vốn Công ty tại doanh nghiệp khác (sau đây gọi tắt là người đại diện) quyết định tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các vấn đề đãi ngộ đối với người đại diện, trừ trường hợp người đại diện đó được hưởng lương từ doanh nghiệp khác;
 - d. Yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp khác;
 - e. Giao nhiệm vụ và chỉ đạo người đại diện bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của công ty trong doanh nghiệp khác. Yêu cầu người đại diện báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện, nhất là trong việc định hướng doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty thực hiện các mục tiêu, chiến lược của Công ty;
 - f. Kiểm tra, giám sát hoạt động của người đại diện, phát hiện những thiếu sót, yếu kém của người đại diện để ngăn chặn, chấn chỉnh kịp thời;
 - g. Quyết định việc đầu tư tăng vốn hoặc thu hồi vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác phù hợp với pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp khác;
 - h. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Công ty đầu tư;
 - i. Giám sát việc thu hồi vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, việc thu lợi tức được chia từ doanh nghiệp khác;
 - j. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp khác theo điều lệ của doanh nghiệp này.
2. Khi được ủy quyền thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng thành viên, Đại hội xã viên và các hình thức khác phải sử dụng quyền đó một cách cẩn trọng phù hợp với lợi ích của Công ty, nhất là trong trường hợp là cổ đông, bên góp vốn chi phối.
3. Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác theo quy định của luật pháp, điều lệ doanh nghiệp. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của đại diện chủ sở hữu về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của doanh nghiệp khác, việc thực hiện các nhiệm vụ của đại diện chủ sở hữu giao. Theo dõi, đôn đốc và thực hiện thu hồi vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.
4. Người đại diện tham gia Ban quản lý điều hành doanh nghiệp khác phải nghiên cứu, đề xuất phương hướng, biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp khác để trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt. Đối với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp đưa ra thảo luận trong Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Đại hội đồng cổ đông hay các thành viên góp vốn hay bên liên doanh như phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, huy động thêm cổ phần, vốn góp, chia cổ tức.
5. Những vấn đề sau đây người đại diện vốn phải xin ý kiến HĐQT Công ty trước khi biểu quyết tại các doanh nghiệp khác như:
 - Đề cử và bầu các thành viên HĐQT tại các công ty cổ phần;
 - Biểu quyết tăng giảm vốn điều lệ;
 - Đề cử và bầu Chủ tịch HĐQT;
 - Biểu quyết bán và thanh lý tài sản có giá trị còn lại trên 50% tổng tài sản tại báo cáo tài chính gần nhất của doanh nghiệp khác;
 - Biểu quyết, quyết định đầu tư vào các dự án có tổng mức đầu tư bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản tại báo cáo tài chính gần nhất của doanh nghiệp khác;
 - Các vấn đề khác theo nghị quyết của HĐQT Công ty.

Trường hợp nhiều người đại diện cùng tham gia Hội đồng quản trị, Ban giám đốc của doanh nghiệp khác thì phải cùng nhau bàn bạc và thống nhất ý kiến khi phát biểu và biểu quyết. Trường hợp không thống nhất được phải báo cáo HĐQT Công ty quyết định.

6. Người đại diện ở doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty phải có trách nhiệm hướng doanh nghiệp đó đi đúng mục tiêu, định hướng của Công ty. Khi phát hiện doanh nghiệp đi chệch mục tiêu, định hướng của Công ty phải báo cáo ngay Công ty và đề xuất giải pháp để khắc phục. Sau khi được Công ty thông qua cần tổ chức thực hiện ngay để nhanh chóng hướng doanh nghiệp đi đúng mục tiêu, định hướng đã xác định.

Quy chế quản lý tài chính Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam, Điều lệ doanh nghiệp và Công ty giao.
8. Chịu trách nhiệm trước Công ty về các nhiệm vụ được giao. Trường hợp thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 41. Kiểm tra giám sát

Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác, chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư ra ngoài Công ty; thu lợi nhuận từ việc đầu tư này; cử người quản lý trực tiếp quản lý phần vốn tại các doanh nghiệp khác.

Chương V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Điều khoản thi hành

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty căn cứ vào Quy chế này chỉ đạo, giám sát Công ty triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, thì báo cáo Hội đồng quản trị để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký, đóng dấu)

Trương Quang Luyện